

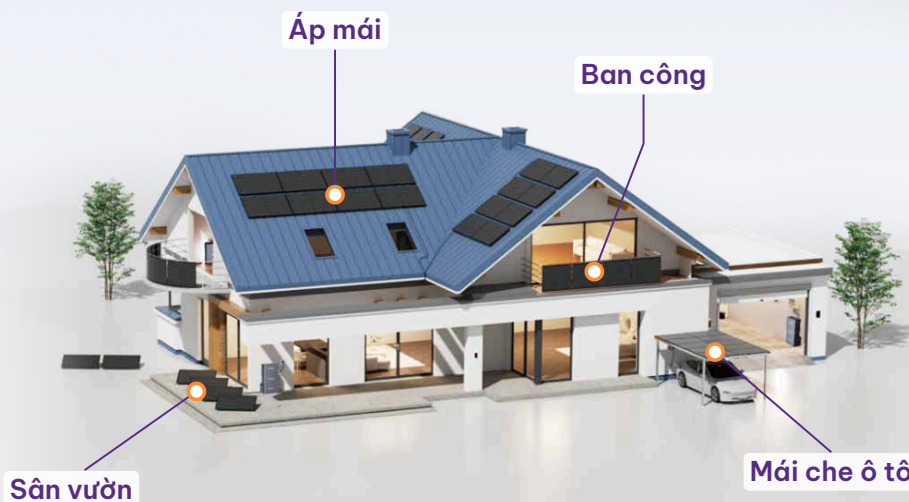
VM-P4 4 MPPT · 2.000–2.250 W



VM-P2 2 MPPT · 600–1.000 W



VM-P1 1 MPPT · 350–500 W



Dòng SolarCore

VM-P1 / VM-P2 / VM-P4

Điện mặt trời theo từng tấm pin

TỪ 350–2.250 W Công suất định mức, 12 model	1 / 2 / 4 MPPT độc lập	800 W Model ban công cắm điện¹	99,8 % Hiệu suất MPPT	App Giám sát qua VIP Cloud
---	--	---	---	--

An toàn và độ bền

IP67 (NEMA 6) Vỏ kim loại dùng ngoài trời	–40 đến 65 °C² Dải nhiệt độ môi trường vận hành	Thiết kế không quạt Làm mát đối lưu tự nhiên
Điện áp DC thấp Tối đa 63 V mỗi đầu vào tấm pin	Cách ly galvanic Cách ly phía DC và phía AC	Tuân thủ toàn cầu Tiêu chuẩn châu Âu, APAC và Mỹ Latinh

¹ VM800WE-P2. Tại một số khu vực, hệ thống đến 800 W có thể cắm trực tiếp vào ổ cắm. Lắp đặt nghiêm ngặt theo quy định địa phương; khuyến nghị dùng mạch riêng có bảo vệ trong tủ điện.

² Công suất ra có thể giảm ở nhiệt độ cao.

Các giá trị được đo tại phòng thí nghiệm VaySunic trong điều kiện thử nghiệm cụ thể và có thể khác khi sử dụng thực tế. Hình ảnh chỉ mang tính tham khảo.

Ứng dụng điển hình



01 · BAN CÔNG

Ban công và hệ PV cắm điện²

CẤU HÌNH ĐIỂN HÌNH¹

VM800WE-P2 + 2 tấm pin

800 W

800 w

Đầu ra AC

2

Tấm pin

3,22 kg

Khối lượng



02 · SÂN VƯỜN

Sân vườn, hàng rào và mái che ô tô

CẤU HÌNH ĐIỂN HÌNH¹

VM-P1 + 1 tấm pin

350-500 W

500 w

Đầu ra AC

1

Tấm pin

1,75 kg

Khối lượng



03 · ÁP MÁI

Dàn pin áp mái

CẤU HÌNH ĐIỂN HÌNH¹

VM2250W-P4 + 4 tấm pin

2.250 W

2.250 w

Đầu ra AC

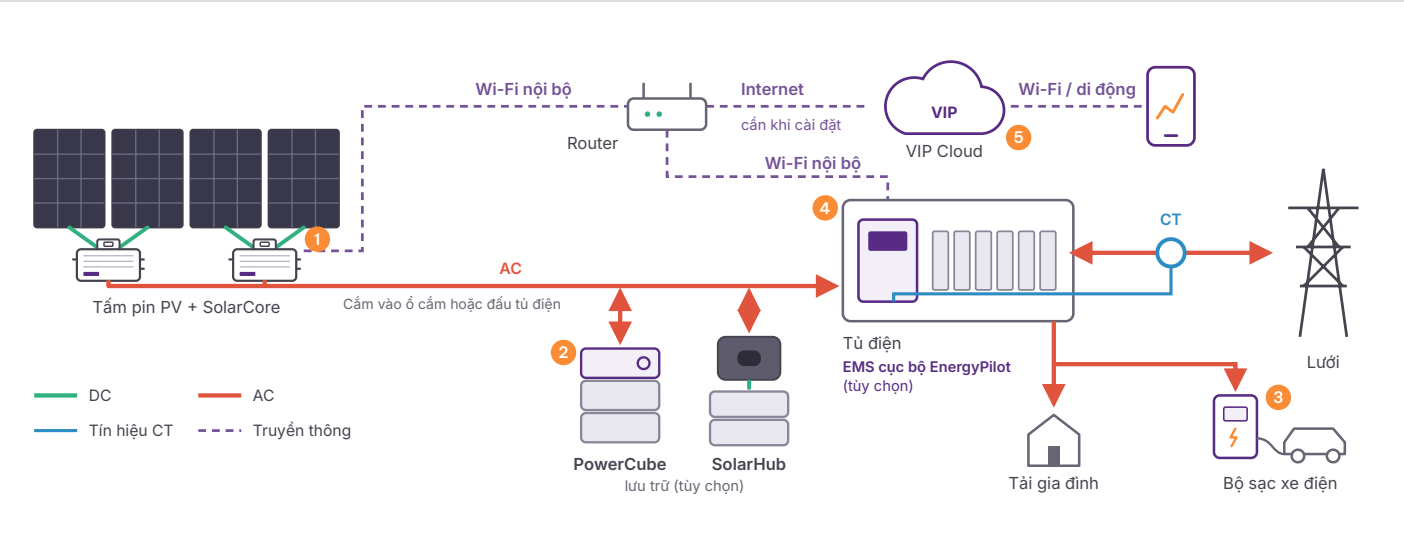
4

Tấm pin

5,1 kg

Khối lượng

Một hệ sinh thái Với EnergyPilot: cài đặt trực tuyến một lần, sau đó điều phối qua Wi-Fi nội bộ, kể cả khi không có internet



- 1

ĐIỆN MẶT TRỜI

SolarCore

Biến tần vi mô cho từng tấm pin
- 2

LƯU TRỮ

PowerCube / SolarHub

Bổ sung lưu trữ bất cứ lúc nào
- 3

SẠC

ChargeFlow

Sạc xe điện ưu tiên điện mặt trời
- 4

EMS CỤC BỘ

EnergyPilot

Điều phối cục bộ và không phát ngược lưới qua Wi-Fi nội bộ
- 5

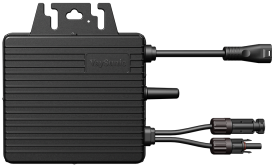
ĐÁM MÂY

VIP Cloud

Ứng dụng, giám sát và lập lịch AI

1 Cấu hình điển hình chỉ mang tính tham khảo. Thiết kế từng hệ thống theo hiện trường và quy định địa phương.
2 Chỉ kết nối cắm điện ở nơi quy định địa phương cho phép.

Mỗi tấm pin có MPPT riêng, nên bóng che trên một tấm không ảnh hưởng đến các tấm khác. Chọn nền tảng theo số tấm pin.



1 TẤM PIN MỖI BỘ

VM-P1

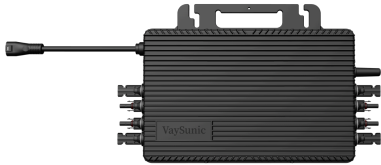
Cho tấm pin đơn trên mái nhà, hàng rào, nhà kho và ban công nhỏ.



2 TẤM PIN MỖI BỘ

VM-P2

Cho hệ ban công và hệ cắm điện, bao gồm model 800 W.



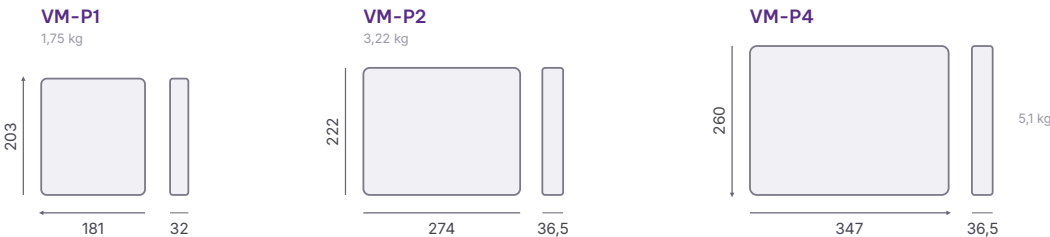
4 TẤM PIN MỖI BỘ

VM-P4

Cho dàn pin áp mái, ít thiết bị và đầu nối hơn trên mỗi kW.

Model	Công suất định mức (W)	Dòng ra định mức (A)	Công suất tấm pin tương thích (Wp) ¹	Hiệu suất cực đại	MPPT	Số bộ tối đa mỗi nhánh ²		
						2,5 mm ²	4 mm ²	6 mm ²
VM350WE-P1	350	1,69	280–470+	96,8%	1	15	21	–
VM400WE-P1	400	1,92	320–540+	96,8%	1	13	18	–
VM450WE-P1	450	2,18	360–600+	96,6%	1	12	16	–
VM500WE-P1	500	2,41	400–670+	96,6%	1	11	14	–
VM600WE-P2	600	2,61	240–410+	96,8%	2	7	12	–
VM700WE-P2	700	3,04	270–460+	96,8%	2	6	10	–
VM800WE-P2	800	3,48	330–550+	96,8%	2	5	9	–
VM900WE-P2	900	3,91	350–610+	96,6%	2	5	8	–
VM1000WE-P2	1.000	4,35	390–680+	96,6%	2	4	7	–
VM2000W-P4	2.000	8,8	400–670+	96,6%	4	–	3	4
VM2100W-P4	2.100	9,2	400–670+	96,6%	4	–	3	4
VM2250W-P4	2.250	9,9	400–700+	96,5%	4	–	3	4

Kích thước

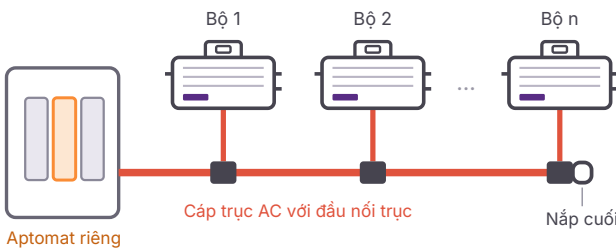


Hình chiếu trước và bên cùng tỷ lệ. Kích thước tính bằng mm (R × C × S).

Kết nối AC

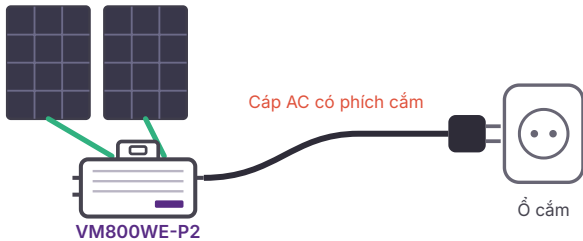
Tủ điện

Các bộ đầu liên tiếp trên một cáp trực AC



Cắm điện (plug-in)

Chỉ ở nơi quy định địa phương cho phép



Số bộ mỗi nhánh: xem bảng trên. Cắm điện: tuân thủ giới hạn công suất địa phương.

1 Công suất tấm pin khuyến nghị mỗi đầu vào MPPT. Kiểm tra Voc tấm pin ở nhiệt độ thấp nhất tại công trình so với điện áp vào tối đa.

2 Theo tiết diện cáp AC. Luôn tuân thủ yêu cầu địa phương về số biến tần vi mô trên mỗi nhánh.

Nền tảng	VM-P1 VM350/400/450/500WE-P1	VM-P2 VM600/700/800/900/1000WE-P2	VM-P4 VM2000/2100/2250W-P4
Đầu vào PV (DC)			
Số MPPT / Đầu vào mỗi MPPT	1 / 1	2 / 1	4 / 1
Dải điện áp vận hành / MPPT (V)	14–63 / 16–60	14–63 / 16–60	14–61 / 20–60
Điện áp khởi động (V)		18	
Điện áp vào tối đa (V)	63	63	61
Dòng vào tối đa mỗi MPPT (A)		18	
Dòng ngắn mạch tối đa mỗi MPPT (A)		25	
Dòng ngược phía DC / Cấp quá điện áp		0 A / II	
Đầu ra AC			
Công suất ra định mức (VA) ¹	350 / 400 / 450 / 500	600 / 700 / 800 / 900 / 1.000	2.000 / 2.100 / 2.250
Điện áp danh định (dải) ²	230 / 240 V (180–275 V)	230 / 240 V (180–275 V)	220–240 V (180–275 V)
Tần số danh định ²		50 / 60 Hz	
Quá dòng đầu ra / Dòng sự cố tối đa (A)	3,6 / 3,6	6,5 / 6,5	13,9 / 13,9
Dòng xung kích		0 A	
Hệ số công suất		> 0,99 (mặc định), điều chỉnh được	
Tổng độ méo sóng hài		< 3%	
Cấp quá điện áp (AC)		III	
Bảo vệ			
Quá áp / thấp áp, quá tần số / thấp tần số		Hỗ trợ	
Quá dòng, ngắn mạch, quá nhiệt		Hỗ trợ	
Bảo vệ xung sét, chống tách đảo		Hỗ trợ	
Ngắt nhanh (RSD)		Tuân thủ	
Hiệu suất			
Hiệu suất cực đại ³	96,6–96,8%	96,6–96,8%	96,5–96,6%
Hiệu suất MPPT danh định		99,8%	
Công suất tiêu thụ ban đêm		< 50 mW	
Thông số chung			
Kích thước (R × C × S)	181 × 203 × 32 mm	274 × 222 × 36,5 mm	347 × 260 × 36,5 mm
Khối lượng	1,75 kg	3,22 kg	5,1 kg
Vỏ / Cấp bảo vệ		Kim loại / IP67 (NEMA 6), ngoài trời	
Nhiệt độ môi trường vận hành		–40 đến 65 °C (giảm công suất ở nhiệt độ cao)	
Độ ẩm tương đối / Độ cao tối đa		0–100%, không ngưng tụ / 2.000 m	
Mức nhiễm bẩn / Làm mát		III / Đối lưu tự nhiên, không quạt	
Cách ly		Cách ly galvanic	
Truyền thông / Giám sát		Wi-Fi (2,4 GHz) / VIP Cloud	
Không phát ngược lưới		Qua bộ điều khiển EMS cục bộ EnergyPilot (tùy chọn)	
Số bộ mỗi container (20' GP / 40' HQ)	4.560 / 11.520	2.800 / 5.880	2.208 / 4.608

Tuân thủ tiêu chuẩn Tình trạng chứng nhận khác nhau theo model và thị trường. Liên hệ VaySunic để nhận chứng chỉ của từng model cụ thể.

Lưới	EN 50549-1:2019 · EN 50549-10:2022 · VDE-AR-N 4105 (DE) · CEI 0-21 (IT) · C10/11 (BE) · G98 · UKCA (UK) · ABNT NBR 16149 / 16150 (BR) · IEC 61727 · IEC 62116 · PEA / MEA (TH)
An toàn	IEC/EN 62109-1 · IEC/EN 62109-2 · EN 50665:2017 · EN IEC 62311:2020
Vô tuyến và EMC	RED 2014/53/EU · EN 300 328 · EN 301 489-1 / -17 · IEC/EN 61000-6-1 / -2 / -3 / -4

1 Công suất ra định mức tính bằng VA; ở hệ số công suất mặc định (> 0,99) giá trị này bằng công suất ra tính bằng W. Công suất ra có thể thay đổi theo điện áp lưới. Giá trị dòng ra, công suất tấm pin, hiệu suất và số bộ mỗi nhánh của từng model được nêu ở trang 3.
2 Điện áp, tần số danh định và các dải được cài theo quy chuẩn lưới địa phương. Quy định địa phương có thể giới hạn công suất phát lên lưới.
3 Dải giá trị giữa các model của mỗi nền tảng.